

Phẩm Thứ 6: **NHỊ LỢI**

Giải thích: Đã nói phát tâm, kế là sẽ nói về nương vào phát tâm ấy mà tùy thuận tu tập đem lợi ích cho mình và cho người.

Kệ rằng:

*Nương Đại (Bồ-đề) làm hạnh lớn,
Lần lượt nói quả lớn,
Đại thủ (chúng sinh) và đại nhẫn,
Đại nghĩa, ba sự thành.*

Giải thích: Nương chỗ lớn lao là nương vào Đại Bồ-đề mà phát tâm. Đại hạnh là phát tâm làm những lợi ích cho mình và cho người. Đại quả giúp các người được Bồ-đề Vô thượng, theo đúng thứ lớp ấy.

Đại thủ là khi phát tâm gom hết chúng sinh vào.

Đại nhẫn là khi phát tâm làm lợi ích chúng sinh phải chịu đựng tất cả các khổ bao la.

Nghĩa lớn là khi chứng quả, làm lợi lớn cho tất cả chúng sinh để thành tựu sự nghiệp.

Đã nói thứ lớp thực hành công hạnh lợi tha, kế là sẽ nói về sự không khác nhau của lợi mình và lợi người.

Kệ rằng:

*Minh, người, tâm bình đẳng
Thương người hơn thương mình,
Có tướng hơn như thế,
Hai lợi, nào có khác?*

Giải thích: Bồ-tát chứng được tâm bình đẳng giữa mình và người là lòng tin, là khi phát tâm ở thế tục, hoặc do trí tuệ mà chứng được, là lúc phát tâm nghĩa đệ nhất. Dù có tâm này, nhưng Bồ-tát thương thân kẻ khác hơn thương thân mình. Đối với người khác, Bồ-tát đã có ý tưởng tốt như vậy, nên không còn mang tư tưởng phân biệt cái gì là lợi mình, cái gì là lợi người, vì đều không còn phân chia ranh giới.

Đã nói không khác nhau, kế là sẽ nói về làm lợi cao đẹp cho người. Kệ rằng:

*Với đời, không nghiệp oán,
Lợi người thường tự khổ.
Tính bi tự nhiên khởi,
Nên, lợi người là hơn.*

Giải thích: Bồ-tát từ lâu đã cắt đứt hoàn toàn, các nghiệp oán thù với đời, cho nên Bồ-tát làm mãi cho xong việc đem lợi ích cho người,

dù thân mình phải chịu nhiều vất vả, cực khổ. Do vậy mà thể Đại bi tự nhiên phát khởi, do lý ấy làm lợi người vẫn là tốt nhất.

Hỏi: Thế nào là thuận theo lợi tha như thế? Kệ rằng:

*Khéo nói khiến quay về,
Khiến nhập, giúp điều phục,
Khiến thành cũng giúp trụ,
Khiến giác ngộ, giải thoát,
Gom đức và sanh gia,
Được thọ ký, nhận chức,
Đến thành trí Như lai,
Lợi chúng sinh như thế.*

Giải thích: Có ba hạng chúng sinh là trụ vào tính dưới, giữa, trên. Theo những nơi mà họ trụ vào ấy, Bồ-tát gom họ về chánh đạo bằng mười ba thứ thuận theo đem lợi ích cho họ là:

1. Nói pháp khéo vì biết theo cách dạy và ghi nhớ chắc.
2. Khiến họ quay về bằng sức mạnh của thần thông.
3. Khiến họ thâm nhập là vì họ đã quay về nên giúp họ có lòng tin, và thọ lãnh chánh giáo.
4. Khiến họ tự điều phục, vì thâm nhập nên họ dứt bỏ ngờ vực.
5. Khiến họ được thành tựu, vì gốc lành họ đã thành thực.
6. Khiến họ được an trụ, vì dạy trao giúp tâm được trụ.
7. Khiến họ giác ngộ, vì được trí tuệ.
8. Khiến họ giải thoát, vì chứng được các công đức cao quý, như thần thông v.v...
9. Chứa nhóm công đức, vì chứa nhóm khắp phước trí.
10. Sinh gia là sinh vào nhà Phật.
11. Được thọ ký là do tám địa được thọ ký.
12. Nhận chức, từ mười địa được nhận chức.
13. Được trí của Như lai, vì đã vào Phật địa.

Hỏi: Thuận theo như vậy, được thành lập ra sao? Kệ rằng:

*Không đảo và tự cao,
Không đắm cũng thông đạt,
Năng nhẫn và điều thuận,
Cách xa cũng không tận,
Nên biết tám nghĩa này,
Thành tựu mười ba thứ.*

Giải thích: Không điên đảo là nếu người đã trụ vào tính, thì theo thứ lớp họ mà Bồ-tát nói pháp, không dạy trao điều đối trá.

Không tự cao là khi họ quay về, Bồ-tát không cậy mình có thần thông mà tự cao.

Không đấm: là khi họ thâm nhập chánh pháp là thành chúng sinh không còn bị ô nhiễm.

Thông đạt là cắt đứt lưới ngờ vực của họ.

Có công năng nhẫn nhục là khéo thành thực họ.

Điều thuận là thuận theo mà dạy trao, chứ chẳng phải không làm chủ khi dạy trao.

Xa (rời) là thuận theo sinh vào nhà Phật, chứ không phải xa lìa, khiến họ có công năng tạo lập công đức.

Không cùng tận là Bồ-tát phát nguyện làm lợi ích chúng sinh không bao giờ hết lời nguyện, bất cứ lúc nào. Đó là thành tựu, nên biết.

Hỏi: Vì sao sự thuận theo này cao vượt khác lạ? Kệ rằng:

*Thói quen dục đáng sợ,
Hữu ái động, nghiêng đổ,
Vui cắt đứt phiền não,
Đại bi cầu Phật pháp.*

Giải thích: Thói quen của ham muốn là người trong cõi Dục này, đáng sợ là thâm tâm thường mang nhiều thống khổ vì thường hưởng đến đường ác.

Hữu ái là người cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Quấy động mà nghiêng đổ là vì vui của họ là không thường còn, nên gây xáo động, vì hành khổ nên bị trái ngược.

Ưu vắng lặng là người tự lợi.

Dứt trừ phiền não là vì phiền não nắm chắc nên khổ không bao giờ dứt. Muốn lìa khổ, mình phải dứt trừ phiền não, cầu lấy sự vắng lặng.

Đại bi làm lợi ích cho người.

Cầu Phật pháp là người này thường cầu tất cả Phật pháp, nghĩ đến làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, Kệ rằng:

*Thế gian tìm tư vui,
Không vui thường rất khổ,
Bồ-tát siêng vui người,
Hai lợi thành vui trên.*

Giải thích: Kẻ ngu ở đời thường tìm niềm vui cho mình, nhưng không được vui, lại bị rất khổ. Bồ-tát không phải vậy, mà thường làm cho kẻ khác được vui, nên thành tựu hai lợi ích là cho mình và người.

Lại được cái vui lớn nhất của Niết-bàn, đây là Bồ-tát thuận theo hay nhất về chỗ khác nhau.

Đã nói thuận theo làm lợi cho người, kể là sẽ nói về hồi hướng hạnh này cho chúng sinh. Kệ rằng:

*Căn khác, chỗ ở khác,
Làm khác, có hành khác,
Hễ là các việc làm,
Hướng cho lợi chúng sinh.*

Giải thích: Từ giác quan như mắt, v.v... Bồ-tát làm các việc các thực hành các oai nghi quen làm, tất cả đều hồi hướng làm lợi ích cho chúng sinh. Tất cả việc làm, những việc tương ứng hay những việc tương tự cũng đều hồi hướng hết cho lợi ích chúng sinh, như trong kinh Hạnh Thanh Tịnh có nói rộng.

Đã nói tâm hồi hướng, kể là nói về việc ngăn dứt tâm không nhẫn nhục. Kệ rằng:

*Chúng sinh không tự tại,
Thường làm các nghiệp ác,
Phải nhẫn nhục thêm bi,
Không nã, không trái nhau.*

Giải thích: Chúng sinh bị phiền não quấy phá nên tâm không tự tại. Cho nên gây ra các nghiệp ác. Bằng trí tuệ, Bồ-tát thường nuôi dưỡng nhẫn nhục lớn, tăng lên mãi lòng thương đối với các loài, cho nên Bồ-tát không khởi tâm làm hại chúng sinh, và cũng không làm việc gì thiếu thuận theo. Đã ngăn dứt tâm không nhẫn nhục, kể làm rõ thuận theo lớn. Kệ rằng:

*Xuất ly cao vắng lặng,
Công đức và lợi vật,
Thứ lớp nương bốn nghĩa,
Nói lớn có bốn thứ.*

Giải thích: Các Bồ-tát có bốn thứ thuận theo lớn:

1. Xuất ly cao quý lớn là ra khỏi ba cõi, năm đường nên gọi là xuất ly thù thắng, như kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: “Này Tu-bồ-đề, nếu sắc là có pháp, chứ chẳng phải không có pháp, ấy là Ma-ha-diễn, không thể xuất ly cao quý tất cả thế gian, người, trời, A-tu-la”.
2. Vắng lặng lớn là do hồi hướng đến Niết-bàn vô trụ xứ.
3. Công đức lớn là hai nhóm phước trí được thêm lớn.
4. Lợi vật lớn là thường nương vào tâm đại bi, không bỏ chúng sinh.

Phẩm Thứ 7: CHÂN THẬT

Giải thích: Đã nói thuận theo tu hành, kế là nói tướng nghĩa đệ nhất. Kệ rằng:

Chẳng có cũng chẳng không, Chẳng như cũng chẳng khác, Chẳng sinh cũng chẳng diệt, Chẳng thêm cũng chẳng bớt, Chẳng tịnh, chẳng bất tịnh, Năm thứ, không hai tướng, Đó gọi nghĩa đệ nhất, Hành giả phải nên biết.

Giải thích: Nghĩa đệ nhất là không hai. Nó được nói về bằng năm thứ

Chẳng có là do phân biệt hai tướng y tha là không.

Chẳng không là có tướng chân thật.

Chẳng Như là phân biệt hai tướng y tha, không có một thật thể.

Chẳng khác là hai thứ ấy không có tự thể khác.

Chẳng sinh chẳng diệt là vô vi.

Chẳng thêm chẳng bớt là khi khởi niệm chia hai phần nhiễm tịnh là khi diệt thì pháp giới vẫn yên trụ như thế.

Chẳng tịnh là tự tính không bị nhuộm bản thì đâu cần làm cho nó sạch.

Chẳng bất tịnh là khách trần phiền não ra đi.

Như vậy, năm thứ ấy không có hai tướng. Đó là tướng của nghĩa đệ nhất, nên biết.

Đã nói nghĩa đệ nhất. Kế là nói việc ngăn dứt ý niệm điên đảo đối với nghĩa đệ nhất.

Kệ rằng:

*Chấp ngã chẳng thấy ngã,
Vô tướng chẳng vô duyên,
Hai vô ngã khác nhau,
Giải thoát chỉ hết mê.*

Giải thích: Chấp ngã chẳng thấy ngã là không có tướng ngã, vì sao? Vì tướng ngã chỉ là phân biệt.

Chẳng phải vô duyên là phiền não tập khí khởi lên duyên theo năm thọ ấm.

Hai vô ngã khác nhau là hai ngã kiến và năm thọ ấm. Nhưng hai thứ này cũng chẳng phải khác mà có tướng ngã. Như vậy, ngã kiến chỉ là mê muội lầm lạc. Thật, không có tướng ngã nào để nắm bắt.

Giải thoát chỉ dứt hết mê nghĩa là nếu dựa vào thân khởi lên ý niệm giải thoát thì cũng chỉ là dứt hết mê mà thôi. Không còn cái ngã nào khác là giải thoát.

Đã nói ngăn dứt kiến chấp sai lầm, kể là quở trách về
điên đảo. Kệ rằng:

*Vì sao dựa ngã kiến?
Không thấy tự tính khổ.
Mê khổ và người khổ,
Pháp tánh và vô tánh.*

Giải thích: Thế nào là nương vào ngã kiến, không thấy tự
tánh khổ?

Than ôi thế gian, thế nào là nương? Ngã kiến khởi lên nhiều thứ
mê lầm, không thấu biết các hành, thì với tự tánh khổ ấy mà mãi
đuổi theo tà vạy.

Mê khổ và người khổ, pháp tánh và vô tánh là khổ, nghĩa là thọ
tiếp xúc với khổ ấy. Khổ nghĩa là khổ không dứt, chẳng phải ngã và
khổ tương ứng nhau.

Gọi là khổ nghĩa là khổ bởi mê, không thấu hiểu tự tánh khổ. Khổ
do mê cũng do không hiểu vô ngã. Pháp tánh là chỉ có pháp, vì nhân vô
ngã. Vô tính là chẳng phải pháp, vì pháp vô ngã. Kệ rằng:

*Thế duyên khởi là gì?
Hiện thấy, sinh dị kiến,
Do tối không thấy hữu,
Cũng lại không thấy hữu.*

Giải thích: Thế nào là thế của duyên khởi, từ hiện thấy mà sinh
dị kiến?

Than ôi! Thế gian làm sao hiện thấy? Các hành đều từ duyên mà
sinh ra, nhưng nương vào thế ấy, rồi lại ngang nhiên sinh dị kiến là bảo
rằng các căn như mắt v.v... Thế nó chẳng phải duyên mà sinh khởi. Do
tối tăm tà vạy nên không thấy hữu.

Cũng lại không có mà thấy: nghĩa là do vô minh, nên pháp duyên
khởi là có mà không thấy hữu. Thế của ngã là không có mà lại thấy
có.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao được Niết-bàn? Kệ rằng:

*Sinh tử và Niết-bàn,
Không hai, không chút khác,
Do khéo trụ vô ngã,*

Sinh hết được Niết-bàn.

Giải thích: Sinh tử và Niết-bàn, không hai, cho đến chúng không chút khác nhau. Vì sao? Vì vô ngã cho nên bình đẳng. Nếu ai khéo trụ vào vô ngã mà tu tập nghiệp lành thì liền hết sinh tử mà chứng Niết-bàn.

Như vậy, đã ngăn dứt điên đảo, kể là nói pháp đối trị với sự điên đảo ấy. Kệ rằng:

*Phước trí không bờ mé,
Sinh trưởng đều tròn đầy,
Tư pháp quyết định rồi,
Thông đạt tính nghĩa loại.*

Giải thích: Bài kệ này nói về nhóm tập đại thứ nhất.

Phước và trí không bờ mé là do vô số sự khác nhau và thời tiết vô biên.

Sinh trưởng đều tròn đầy là Bồ-tát gom góp đại tụ này để đến bờ kia.

Pháp tư duy quyết định rồi là nương vào tâm định mà tư duy.

Thông đạt tính nghĩa loại là hiểu nghĩa loại các pháp đã tư duy,

đều lấy ý thức và lời nói làm tự tính. Kệ rằng:

*Đã biết tính nghĩa loại,
Khéo trụ chỉ tâm sáng,
Vì hiện thấy pháp giới,
Giải thoát khỏi hai tướng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về thông đạt phần vị thứ hai, vì thấu hiểu tất cả nghĩa chỉ lấy ý thức lời nói làm tính, nên biết rõ tất cả nghĩa đều là ánh sáng của tâm. Bấy giờ, Bồ-tát được gọi là khéo an trụ trong Duy thức. Sau khi từ Duy thức để nhìn thì thấy pháp giới trước mắt mà thấu biết tất cả hai tướng là năng chấp và sở chấp của giải thoát. Kệ rằng:

*Ngoài tâm không có vật,
Vật không, tâm cũng không,
Do hiểu cả hai không,
Khéo trụ chân pháp giới.*

Giải thích: Bài kệ này nói về vị kiến đạo thứ ba. Như Bồ-tát thấy pháp giới trước mắt, hiểu ngoài tâm không có vật bị chấp. Cái để chấp lấy đã là không, cho nên cũng không có tâm năng chấp. Vì lìa hai tướng năng thủ, sở thủ, nên biết, là đã khéo an trụ vào tự tính pháp giới. Kệ rằng:

*Sức trí vô phân biệt,
Thường bình đẳng trùm khắp,
Do phá lối thể tự,
Như thuốc trừ được độc.*

Giải thích: Bài kệ này nói về địa vị tu đạo thứ tư. Sau khi Bồ-tát đã nhập vào nghĩa trí chuyển y thứ nhất, xong thì dùng trí vô phân biệt làm các việc bình đẳng mãi mãi và làm khắp các nơi. Vì sao? Do đã làm tan hoại chỗ nương của tính y tha vì nó huân tập tướng của khối sai lầm như rừng dày mịt.

Hỏi: Sức mạnh của trí tuệ này ra sao?

Đáp: Ví như thuốc lớn A-già-đa có công năng dứt trừ tất cả thứ độc. Sức mạnh của nó là thế. Kệ rằng:

*Duyên Phật, khéo thành pháp,
Tâm căn an pháp giới,
Hiểu niệm chỉ phân biệt,
Mau tới biển công đức.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Địa vị rốt ráo thứ năm.

Duyên Phật, khéo thành tựu pháp là các Bồ-tát đối với Phật, khéo thành lập nhóm chung duyên trong tất cả pháp mẫu nhiệm.

Duyên nhóm chung là gì?

Đáp: Tâm căn an trụ pháp giới, đây là nhập vào nghĩa trí thứ nhất một cách sáng tỏ. Do tuệ này an trụ pháp giới, nên tâm này gọi là căn.

Hỏi: Phía sau của tâm căn này là thế nào?

Đáp: Hiểu biết niệm chỉ là phân biệt, nghĩa là phía sau tâm này, khởi lên quán sát như quán việc trước. Niệm chuyển biến theo từng nơi. Do vậy, mới biết niệm chỉ là phân biệt, chẳng thật có.

Hỏi: Biết như vậy rồi, tiến lên giai vị nào nữa?

Đáp: Mau tới bờ mé cuối cùng của biển công đức. Nghĩa là biết như vậy rồi là tới biển công đức của quả Phật, sẽ mau đến bờ bên kia.
